

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Khung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ các cấp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 66/2022/NĐ-CP ngày 20/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-UBDT, ngày 26/8/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc thành lập Tổ xây dựng Khung chương trình đào tạo, tài liệu tập huấn cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Khung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ các cấp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình). (Khung Chương trình kèm theo)

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện Chương trình chỉ đạo Cơ quan chủ trì thực hiện Tiểu dự án Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện

chương trình các cấp, căn cứ Khung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chi tiết; triển khai tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng đảm bảo thiết thực, phù hợp với các đối tượng học viên và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo chất lượng, thiết thực và hiệu quả.

- Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, chủ trì tham mưu xây dựng Bộ tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng trên cơ sở Khung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng làm tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp triển khai thực hiện Chương trình.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện Chương trình, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị chức năng của Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HRD*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh;
- Lưu VT, VPCTMTQG. *20*

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Hau A Lanh
Hau A Lanh

ỦY BAN DÂN TỘC

NỘI DUNG

Khung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ các cấp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025
(Kèm theo Quyết định số: 752/QĐ-UBND ngày 11.10.2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Khung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ các cấp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; là cơ sở để xây dựng kế hoạch, nội dung biên soạn tài liệu và tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ các cấp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu: Bảo đảm tính khoa học, đúng pháp luật, áp dụng vào thực tiễn, dễ hiểu, học tập lý thuyết đi đôi với thực hành, lấy người học làm trung tâm, khuyến khích trao đổi, chia sẻ, thảo luận, nhằm đạt được các mục tiêu của chương trình.

II. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG

Đối tượng tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, được quy định tại điểm d khoản 5 Mục III. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm hai nhóm sau:

1. Nhóm cộng đồng.

Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực.

2. Nhóm cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở các cấp (bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, ban ngành chủ trì và tham gia tổ chức

thực hiện các nội dung của Chương trình) và cán bộ các tổ chức đoàn thể, lực lượng cốt cán, người có uy tín trong cộng đồng, các chức sắc, chức việc tôn giáo tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

III. NỘI DUNG KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG.

1. Nhóm cộng đồng.

- Số lượng 19 chuyên đề.
- Thời lượng đào tạo, tập huấn tối thiểu 01 ngày/01 chuyên đề.
- Tên chuyên đề, nội dung của các chuyên đề như sau:

Số TT	Chuyên đề	Nội dung chuyên đề	Thời lượng thực hiện (ngày)
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; và các chính sách dân tộc.	1. Tổng quan chung về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; và các chính sách dân tộc. 2. Hệ thống các văn bản quản lý, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; của trung ương và địa phương 3. Trao đổi thảo luận và giải đáp.	01 ngày
2	Công tác Lập kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030 tại địa bàn xã (cấp xã) có sự tham gia của cộng đồng, người dân.	1. Tổng quan công tác lập kế hoạch phát triển KT-XH cấp xã. 2. Một số kỹ năng, công cụ cần thiết trong công tác lập kế hoạch. 3. Lập đề xuất Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hằng năm có sự tham gia của cộng đồng. 4. Tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát kế hoạch phát triển KT-XH hằng năm. 5. Thảo luận nhóm, trình bày.	02 ngày
3	Kỹ năng phát triển cộng đồng bền vững và các phương pháp phát triển cộng đồng có sự tham gia của người dân trong công tác xóa đói giảm nghèo.	1. Phát triển cộng đồng và vai trò của người làm phát triển cộng đồng. 2. Công cụ và kỹ năng cơ bản của người làm công tác phát triển cộng đồng. 3. Xây dựng mối quan hệ với cộng đồng. 4. Hiểu giá trị thực trạng và tiềm năng của cộng đồng.	02 ngày

		5. Lựa chọn hoạt động phát triển cộng đồng. 6. Lập kế hoạch và thực hiện hoạt động phát triển cộng đồng. 7. Giám sát và đánh giá phát triển cộng đồng. 8. Thực hành, thảo luận nhóm, trình bày.	
4	Kỹ năng thực hiện gói thầu giao cho cộng đồng thi công theo cơ chế đặc thù; Công tác Duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng.	1. Cung cấp những thông tin cơ bản về gói thầu giao cho cộng đồng thi công 2. Tư cách hợp lệ của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ. 3. Quy trình lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ. 4. Tạm ứng, thanh toán và giám sát, nghiệm thu công trình. 5. Tổ chức thực hiện công tác duy tu bảo trì công trình cơ sở hạ tầng. 6. Thảo luận nhóm, trình bày.	02 ngày
5	Kỹ năng Giám sát của ban giám sát đầu tư cộng đồng.	1. Những nội dung cơ bản về Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong công tác kiểm tra, giám sát. 2. Mục tiêu giám sát cấp xã/thôn; trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức giám sát công trình tại địa phương. 3. Quy trình giám sát của ban giám sát cấp xã/thôn; giám sát đền bù giải phóng mặt bằng, lao động có trả công và môi trường; công tác giám sát thi công xây dựng. 4. Nội dung và phương pháp giám sát công trình xây dựng; giám sát chất lượng công trình xây dựng; công tác nghiệm thu và bàn giao công trình xây dựng. 5. Hướng dẫn thực hiện các văn bản: mẫu nhật ký công trình, mẫu biên bản và các yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với công trình hạ tầng.	02 ngày
6	Nhóm hộ liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị và xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm.	1. Liên kết chuỗi trong sản xuất nông nghiệp. 2. Phát triển thị trường và xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm. 3. Tiêu thụ sản phẩm. 4. Thảo luận nhóm, trao đổi, giải đáp.	02 ngày

7	Kỹ năng xây dựng và vận hành tổ nhóm, tiếp cận thị trường, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị.	1. Cung cấp những thông tin cơ bản về kỹ năng xây dựng và vận hành tổ nhóm, tiếp cận thị trường, liên kết sản xuất. 2. Kỹ năng nghiên cứu nhu cầu thị trường để chuyển sản phẩm đơn lẻ, tự cung tự cấp thành sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. 3. Tổ chức hoạt động thương mại và dịch vụ. Tổ chức cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh tham quan học tập kinh nghiệm và tìm hiểu thị trường trong tỉnh và các tỉnh thành trong nước. 4. Tổ chức thực hiện tiêu thụ sản phẩm cho đồng bào trên địa bàn.	02 ngày
8	Kỹ năng xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm OCOP thương hiệu địa phương, trong sản xuất kinh doanh	1. Tổng quan xúc tiến thương mại, dịch vụ. 2. Một số Kỹ năng cần thiết trong kinh doanh thương mại nhằm phát triển kinh tế-xã hội và xoá đói giảm nghèo nhanh và bền vững. 3. Tổng quan về thương hiệu và bản sắc của thương hiệu. 4. Kỹ năng xây dựng quảng bá thương hiệu giới thiệu sản phẩm của địa phương. 5. Thông tin thị trường cho nông dân về định hướng xúc tiến thương mại, sản phẩm hàng hóa.	02 ngày
9	Kỹ năng thực hiện bình đẳng giới và phát huy vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ gia đình và nhóm hộ xoá đói giảm nghèo.	1. Khái niệm cơ bản chính sách và pháp luật về bình đẳng giới. 2. Vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong việc thực hiện bình đẳng giới. 3. Phát huy vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ gia đình và nhóm hộ. 4. Thảo luận nhóm trao đổi trình bày.	02 ngày
10	Kỹ năng phòng chống thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.	1. Những kiến thức cơ bản về thiên tai, biến đổi khí hậu. 2. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. 3. Hướng dẫn thực hiện các bước Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. 4. Kỹ năng xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai giảm thiểu rủi ro thiệt hại do thiên tai. 5. Ảnh hưởng từ thiên tai, biến đổi khí hậu.	02 ngày

11	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cộng đồng, người dân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	1. Mạng Internet 4G, 5G và thiết bị máy tính, điện thoại thông minh cần thiết phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin. 2. Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh. 3. Kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử phục vụ đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. 4. Thực hành trên các máy tính, Ipad và điện thoại thông minh.	02 ngày
12	Mô hình chăn nuôi gia súc sinh sản, tạo con lai năng suất cao. Hướng dẫn chi tiết quy trình, kỹ thuật từng bước thực hiện.	1. Giới thiệu một số giống hiện có tại Việt Nam (<i>giống bản địa, giống ngoại</i>). 2. Các phương thức chăn nuôi hiện nay tại Việt Nam. 3. Hiệu quả chăn nuôi gia súc sinh sản tạo con lai năng suất cao. 4. Các quy trình kỹ thuật chăn nuôi một số giống gia súc sinh sản. 5. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm.	02 ngày
13	Mô hình chăn nuôi gia cầm (thương phẩm). Quy trình và kỹ thuật chăn nuôi theo chuỗi giá trị.	1. Giới thiệu một số giống gia cầm tại Việt Nam. 2. Một số mô hình, phương thức nuôi gia cầm theo chuỗi giá trị. 3. Kỹ thuật nuôi gia cầm. 4. Kỹ thuật chế biến thức ăn tận dụng từ nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương. 5. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm. 6. Thảo luận nhóm, trao đổi và giải đáp.	02 ngày
14	Mô hình chế biến thức ăn cho gia súc, quy trình, kỹ thuật, chế biến thức ăn, thô xanh dự trữ.	1. Giới thiệu một số một số phụ phẩm nông nghiệp có thể xử lý thành thức ăn thô xanh. 2. Kỹ thuật chế biến, ủ thức ăn thô xanh dự trữ cho gia súc. 3. Kỹ thuật vỗ béo gia súc đạt hiệu quả kinh tế cao. 4. Kỹ thuật xử lý chất thải gia súc thành phân hữu cơ. 5. Thảo luận, thực hành trao đổi thực tế.	02 ngày
15	Mô hình Trồng cây ăn quả có múi theo tiêu chuẩn GAP.	1. Giới thiệu một số mô hình trồng cây ăn quả có múi. 2. Khảo sát địa thế, quy hoạch vườn, vùng trồng loại cây gì cho phù hợp.	02 ngày

		3. Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn quả có múi. 4. Kỹ thuật thu hoạch và bảo quản và quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm. 5. Thảo luận, thực hành trao đổi thực tế.	
16	Mô hình liên kết hộ gia đình, nhóm hộ, hợp tác xã, doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị.	1. Các thành phần tham gia liên kết sản xuất. 2. Các phương thức liên kết sản xuất. 3. Kỹ thuật trồng và chăm sóc một số cây trồng tham gia liên kết sản xuất. 4. Thảo luận nhóm, trao đổi, trình bày.	02 ngày
17	Mô hình thâm canh cây Lâm nghiệp phát triển kinh tế hộ gia đình và nhóm hộ gắn với trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng.	1. Các văn bản, chính sách liên quan đến liên kết sản xuất. 2. Tổng quan vai trò của rừng đối với đời sống xã hội. 3. Kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác và bảo vệ rừng. 4. Thảo luận nhóm trao đổi trình bày.	02 ngày
18	Mô hình du lịch cộng đồng, hướng dẫn cho các hộ dân các kỹ năng làm du lịch cộng đồng, trang bị một số kiến thức cơ bản về hoạt động du lịch cộng đồng.	1. Các vấn đề chung về phát triển du lịch cộng đồng. 2. Các bước cần thiết để triển khai mô hình du lịch cộng đồng. 3. Các kỹ năng để làm du lịch. 4. Thảo luận nhóm, trao đổi, trình bày.	02 ngày
19	Chuyên đề theo Đặc thù của địa phương.	Căn cứ vào tình hình thực tế và điều kiện đặc thù của từng địa phương, chủ động biên soạn bổ sung các nội dung chuyên đề và mô hình cho phù hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký bổ sung ban hành thực hiện theo kế hoạch hằng năm.	01-03 ngày

2. Nhóm cán bộ triển khai thực hiện chương trình ở các cấp.

- Số lượng 18 chuyên đề.
- Thời lượng đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng tối thiểu 01 ngày/01 chuyên đề.
- Tên chuyên đề, nội dung của các chuyên đề như sau:

Số TT	Chuyên đề	Nội dung chuyên đề	Thời lượng thực hiện (ngày)
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; và các chính sách dân tộc.	1. Tổng quan chung về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; và các chính sách dân tộc. 2. Hệ thống các văn bản quản lý, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; của trung ương và địa phương 3. Trao đổi thảo luận và giải đáp.	01 ngày
2	Nghiệp vụ, quy trình quản lý đầu tư công trình cơ sở hạ tầng do cấp xã làm chủ đầu tư.	1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư các công trình, dự án cơ sở hạ tầng. 2. Giai đoạn thực hiện đầu tư các công trình dự án cơ sở hạ tầng. 3. Giai đoạn kết thúc xây dựng đưa công trình đưa vào sử dụng. 4. Trao đổi thảo luận và giải đáp.	02 ngày
3	Nghiệp vụ Đấu thầu cơ bản, Đấu thầu cộng đồng. Đấu thầu qua mạng.	1. Tổng quan về lựa chọn nhà thầu. 2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. 3. Quy trình tổ chức đấu thầu. 4. Quy trình lựa chọn nhà thầu. 5. Nghiệp vụ đấu thầu qua mạng. 6. Hợp đồng. 7. Bảo đảm liêm chính trong đấu thầu và xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu.	Từ 03 đến 04 ngày (nếu cấp chứng chỉ)
4	Nghiệp vụ Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng.	1. Tổng quan về dự án và Quản lý dự án đầu tư XDCT. 2. Trình tự, thủ tục lập và thực hiện một dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chương trình. 3. Quản lý tiến độ của dự án đầu tư xây dựng công trình. 4. Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.	Từ 03 đến 04 ngày (nếu cấp chứng chỉ)

		5. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. 6. Quản lý an toàn lao động, môi trường xây dựng và quản lý rủi ro trong thực hiện dự án đầu tư XD công trình. 7. Hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình. 8. Hướng dẫn thực hiện các quy định và văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan nội dung. 9. Trao đổi thảo luận và giải đáp.	
5	Nghiệp vụ Giám sát thi công xây dựng công trình cơ sở hạ tầng.	1. Yêu cầu và nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng. 2. Giám sát thi công kết cấu bê tông, bê tông cốt thép và kết cấu gạch đá. 3. Giám sát thi công và nghiệm thu nền móng công trình. 4. Giám sát thi công và nghiệm thu công tác hoàn thiện công trình. 5. Trao đổi thảo luận và giải đáp.	Từ 02 đến 05 ngày (nếu cấp chứng chỉ)
6	Nghiệp vụ Giám sát đầu tư cộng đồng.	1. Những nội dung cơ bản về Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và công tác kiểm tra, giám sát. 2. Mục tiêu giám sát cấp xã; trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức giám sát công trình. 3. Quy trình giám sát của ban giám sát cấp xã; giám sát đền bù giải phóng mặt bằng, lao động có trả công và môi trường; công tác giám sát thi công xây dựng. 4. Nội dung và phương pháp giám sát công trình xây dựng; giám sát chất lượng công trình xây dựng; công tác nghiệm thu và bàn giao công trình xây dựng. 5. Hướng dẫn thực hiện các văn bản: mẫu nhật ký công trình, mẫu biên bản và các yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với công trình hạ tầng.	02 ngày
7	Nghiệp vụ vận hành và bảo trì các công trình cơ sở hạ tầng và khai thác công trình đưa vào sử dụng.	1. Quy trình xây dựng, thực hiện kế hoạch, bảo trì (duy tu, bảo dưỡng công trình). 2. Xây dựng quy chế bảo trì (duy tu bảo dưỡng công trình). 3. Quy trình xây dựng kế hoạch vận hành, duy tu, bảo dưỡng năm. 4. Hướng dẫn thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình.	02 ngày

8	Nghệp vụ quản lý tài chính và thanh, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, vốn sự nghiệp.	1. Quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã. a. Quản lý thu ngân sách xã. b. Quản lý các hoạt động tài chính khác của xã. c. Chế độ báo cáo quyết toán, kiểm toán và công khai tài chính ngân sách xã. 2. Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. 3. Trao đổi, thảo luận và giải đáp.	02 ngày
9	Kỹ năng lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm cấp xã có sự tham gia của cộng đồng người dân trong phát triển kinh tế - xã hội xóa đói giảm nghèo.	1. Tổng quan công tác lập kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm cấp xã. 2. Một số kỹ năng, công cụ cần thiết trong công tác lập kế hoạch. 3. Quy trình lập Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm cấp xã có sự tham gia của cộng đồng. 4. Hướng dẫn sử dụng phần mềm tổng hợp kế hoạch. 5. Tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội cấp xã. 6. Thực hành, thảo luận nhóm.	02 ngày
10	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý điều hành hội họp, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, kỹ năng tiếp công dân và xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo.	1. Kỹ năng Lãnh đạo & Quản lý. 2. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc. 3. Kỹ năng tổ chức điều hành hội họp. 4. Kỹ năng ban hành Quyết định và giải quyết mọi vấn đề. 5. Kỹ năng tiếp công dân, giải quyết tố cáo, khiếu nại của công dân. 6. Trao đổi, thảo luận và giải đáp.	02 ngày
11	Kỹ năng ứng dụng Công nghệ Thông tin trong phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	1. Hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 2. Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. 3. Kỹ năng xây dựng, quản lý và khai thác sử dụng văn bản quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên môi trường điện tử. 4. Phương thức xây dựng và vận hành dịch vụ công trực tuyến tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Từ 02 đến 03 ngày



		5. Áp dụng việc chuyển đổi số vào phục vụ trong phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Tập huấn/Hội thảo về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, theo dõi, giám sát truyền thông và đào tạo về chương trình).	
12	Kỹ năng xúc tiến Thương mại, dịch vụ, quảng bá giới thiệu sản phẩm địa phương.	1. Tổng quan xúc tiến thương mại, dịch vụ. (Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về xúc tiến thương mại). 2. Một số Kỹ năng cần thiết trong kinh doanh thương mại nhằm phát triển kinh tế- xã hội và xoá đói, giảm nghèo nhanh và bền vững. 3. Kỹ năng xây dựng quảng bá thương hiệu giới thiệu sản phẩm của địa phương. 4. Kỹ năng nghiên cứu nhu cầu thị trường để chuyển sản phẩm đơn lẻ, tự cung tự cấp thành sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. 5. Trao đổi thảo luận và giải đáp.	02 ngày
13	Kỹ năng xây dựng và thực hiện các dự án, hoạt động bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc gắn với phát triển du lịch.	1. Xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở. 2. Bảo tồn và phát triển văn hóa bản sắc các dân tộc. 3. Phát triển du lịch cộng đồng. 4. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch cộng đồng ở địa phương theo từng giai đoạn. 5. Trao đổi, thảo luận và giải đáp.	02 ngày
14	Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển Mô hình Du lịch cộng đồng.	1. Chính sách, văn bản hướng dẫn xây dựng mô hình phát triển Du lịch cộng đồng Nghị quyết số 50/NQ-CP trong lĩnh vực du lịch; Quyết định 2292/QĐ-BVHTTDL ban hành Chương trình hành động phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025. 2. Một số giải pháp xây dựng mô hình phát triển du lịch cộng đồng. 4. Một số kinh nghiệm trong xây dựng mô hình du lịch cộng đồng. 5. Trao đổi thảo luận và giải đáp.	02 ngày
15	Kỹ năng phát triển cộng đồng bền vững và các phương pháp phát triển cộng đồng có sự tham gia của người dân trong	1. Phát triển cộng đồng và vai trò của người làm phát triển cộng đồng. 2. Công cụ và kỹ năng cơ bản. 3. Xây dựng mối quan hệ với cộng đồng. 4. Hiểu giá trị thực trạng và tiềm năng của cộng đồng.	02 ngày

	công tác xóa đói giảm nghèo.	5. Lựa chọn hoạt động phát triển cộng đồng. 6. Lập kế hoạch và thực hiện hoạt động phát triển cộng đồng. 7. Giám sát và đánh giá phát triển cộng đồng. 8. Trao đổi thảo luận và giải đáp.	
16	Kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo việc tổ chức thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	1. Những kiến thức cơ bản về theo dõi, đánh giá 2. Nội dung, cách thức, quy trình thực hiện theo dõi, đánh giá thực hiện chương trình. 3. Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá và hệ thống các biểu mẫu thu thập thông tin, báo cáo kết quả. 4. Một số kỹ năng cơ bản về thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin và viết báo cáo. 5. Trao đổi, thảo luận và giải đáp.	02 ngày
17	Kỹ năng tuyên truyền, truyền thông triển khai thực hiện đề án tổng thể về Chương trình MTQGTG.	1. Giới thiệu chung về tuyên truyền, truyền thông ở vùng DTTS và miền núi. <i>a) Đặc điểm DTTS ở Việt Nam ảnh hưởng đến tuyên truyền ở cơ sở.</i> <i>b) Tuyên truyền phát triển cộng đồng DTTS.</i> 2. Một số kỹ năng tuyên truyền cơ bản ở cơ sở. <i>a) Truyền thông trực tiếp.</i> <i>b) Kỹ năng tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.</i> 3. Trao đổi, thảo luận và giải đáp.	01 ngày
18	Chuyên đề theo Đặc thù của địa phương.	Căn cứ vào tình hình thực tế và điều kiện đặc thù của từng địa phương, chủ động biên soạn bổ sung các nội dung chuyên đề và mô hình cho phù hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký bổ sung ban hành thực hiện theo kế hoạch hằng năm.	01-03 ngày

DANH SÁCH GỬI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

TT	UBND TỈNH	CƠ QUAN LÀM CÔNG TÁC DÂN TỘC CẤP TỈNH
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang	Ban Dân tộc tỉnh Hà Giang
2	Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng	Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng
3	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	Ban Dân tộc tỉnh Bắc Kạn
4	Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang	Ban Dân tộc tỉnh Tuyên Quang
5	Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai	Ban Dân tộc tỉnh Lào Cai
6	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	Ban Dân tộc tỉnh Điện Biên
7	Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu	Ban Dân tộc tỉnh Lai Châu
8	Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La	Ban Dân tộc tỉnh Sơn La
9	Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái	Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái
10	Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình	Ban Dân tộc tỉnh Hoà Bình
11	Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên	Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên
12	Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Ban Dân tộc tỉnh Lạng Sơn
13	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang	Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang
14	Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ	Ban Dân tộc tỉnh Phú Thọ
15	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá	Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hoá
16	Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An
17	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh	Sở Lao động - TB&XH Hà Tĩnh
18	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình
19	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị
20	Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế
21	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam
22	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi
23	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định	Ban Dân tộc tỉnh Bình Định
24	Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên
25	Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà	Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hoà
26	Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận	Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận
27	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận	Ban Dân tộc tỉnh Bình Thuận
28	Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum	Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum
29	Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai
30	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk
31	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông	Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông
32	Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng	Ban Dân tộc tỉnh Lâm Đồng
33	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước	Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước
34	Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh	Ban Tôn giáo-Dân tộc tỉnh Tây Ninh
35	Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh	Ban Dân tộc tỉnh Trà Vinh

36	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	Ban Dân tộc tỉnh Vĩnh Long
37	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Ban Dân tộc tỉnh An Giang
38	Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang
39	Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang	Ban Dân tộc tỉnh Hậu Giang
40	Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng
41	Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu	Ban Dân tộc tỉnh Bạc Liêu
42	Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau
43	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh
44	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai
45	Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ	Ban Dân tộc tỉnh Cần Thơ
46	Ủy ban nhân dân tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh	Ban Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh
47	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương	Ban Dân tộc tỉnh Bình Dương
48	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	Ban Dân tộc tỉnh Vĩnh Phúc
49	Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Ban Dân tộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
50	Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình	Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình